TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: 05/2021/DS-ST
Ngày 12/01/2021
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phan Ngọc Lợi
Ông Hà Bửu Khánh
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2017/TLST- DS ngày 02 tháng 8 năm 2017 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 12 năm 2020; giữa

1. *Nguyên đơn*: Võ Thị S; sinh năm: 1954; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh K (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Dương Sơn B; sinh năm: 1982; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Hoàng H, sinh năm: 1977; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh K theo văn bản ủy quyền ngày 27/7/2017 (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Dương Thành P, sinh năm: 1932; bà Đỗ Kim S, sinh năm: 1947; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

4. *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn B là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Rùa Vàng; địa chỉ; 1169/2 Phước Hòa, A, huyện C, tỉnh K (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2017, đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa bà Võ Thị S trình bày: Vào ngày 05/10/1995 Ủy ban nhân dân huyện g diện tích 24.666 m^2, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện G, tỉnh K, trong đó có thửa 314 đất thổ vườn đang tranh chấp với ông Dương Sơn B có nguồn gốc là của cha mẹ chồng bà tên

Dương Văn D và Lê Thị T cho vợ chồng bà sử dụng ổn định từ trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến năm 2007 ông Dương Thành P (cha ruột) của Dương Sơn B đất giáp ranh với bà lấn chiếm diện tích 85,7 m^2, diện tích lấn chiếm có hình tam giác, bà có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng không đưa yêu cầu của bà ra hòa giải theo quy định của pháp luật. Đến năm 2009 ông Dương Thành P tặng cho quyền sử dụng đất thửa 315 cho Dương Sơn B bao gồm cả phần đất lấn chiếm 85,7 m^2 mà ông P lấn chiếm của bà. Đến tháng 10/2016 bà làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho các con bà thì bên Dương Sơn B ra ngăn cản tranh chấp con mương có diện tích 35 m^2. Cả hai phần đất nêu trên đều thuộc quyền sử dụng của bà. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu buộc Dương Sơn B phải trả cho bà diện tích đất bao chiếm 171,5 m^2 diện tích đất có hình tam giác; cạnh giáp lộ 2,5m, cạnh giáp thửa 315 là 68,6 m, cạnh nằm trong thửa 314 có diện tích 86,6 m và diện tích mương nuôi cá 35 m^2 (chiều dài 14 m, chiều ngang 2,5 m).

Đến ngày 09/4/2019 bà Võ Thị S có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu ông Dương Sơn B phải tháo dỡ hàng rào có chiều dài 45,6 m, rộng giáp lộ nông thôn 1,55 m và chấm dứt hành vi ngăn cản mương nuôi cá và hàng rào lưới B40 dài 59,6 m, trả lại cho bà diện tích bao chiếm 119,2 m^2 (theo đo đạc thực tế).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/10/2020 anh Dương Hoàng H (anh ruột Dương Sơn B) trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà nội anh tên Dương Văn D, bà Lê Thị T khai phá chia cho cha anh tên Dương Thành P vào năm 1980, sau đó đi kê khai đăng ký và cha anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất thuộc thửa 315 có diện tích 1.633 m^2, đất sử dụng ổn định có ranh giới rõ ràng. Đến năm 2004 gia đình anh xây dựng hàng rào giáp với đất của bà S, năm 2009 tiếp tục bơm cát lấp mương, cha anh làm thủ tục tặng cho Dương Sơn B toàn bộ thửa đất trên. Khi bơm cát xong kéo rào B40 thì con bà S ra ngăn cản cho rằng gia đình anh lấn ranh, anh có yêu cầu bên bà S mời chính quyền tới, hai bên vẫn sử dụng ổn định không có tranh chấp gì. Đến năm 2016 bà S làm thủ tục tặng cho đất các con bà rồi con bà S nhổ trụ đá phía giáp với nền mộ của ông nội anh lấn chiếm đất cho nên anh làm đơn ngăn cản về việc làm thủ tục tách giấy của bà S. Nay bà Sh khởi kiện cho rằng Dương Sơn B lấn chiếm và yêu cầu trả lại 119,2 m^2 là không đúng. Anh B không đồng ý trả số đất trên mà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết giữ nguyên hiện trạng hai bên hiện nay đang sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2020 bà Đỗ Kim S (vợ ông Dương Thành P) trình bày: Vợ chồng bà trước đây được cha mẹ chồng cho thửa đất 315 giáp với thửa đất 314 của bà Võ Thị S, khi cho đất thì cha mẹ có chỉ ranh và cắm mốc, hai bên sử dụng ổn định cho đến năm 2009 vợ chồng bà tuổi cao cho nên tặng cho đất con trai út là Dương Sơn B đứng tên quyền sử dụng đất. Phía bên bà S cũng chia đất cho con và hai bên có thống nhất với nhau lấy cột điện làm ranh, gia đình bà có xây dựng hàng rào và có cặm trụ đá dài ra sau hè. Thời điểm cha mẹ cho đất thì có một cái mương làm ranh, sau này lấp mương, gia đình bà cho bà S sử dụng toàn bộ con mương, hai bên vẫn sử dụng ổn định. Nay bà S cho rằng con bà bao chiếm lấn ranh đất là không đúng, vợ chồng bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết giữ nguyên hiện trạng hiện tại hai bên đang sử dụng.

Phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Võ Thị S: Về nguồn gốc đất là của ông ông Dn, bà T chia cho các con sử dụng. Tuy nhiên, theo đo đạc thực tế hai thửa đất đều bị thiếu so với giấy chứng nhận được cấp, các bên đều xác định sử

dụng ổn định từ khi cho đến khi xảy ra tranh chấp. Về con mương khi cha mẹ cho thuộc bên bà Sh, hiện nay đã bị lấp và có 02 người làm chứng là ông S, ông Đ bơm cát và xây hàng rào cho anh B. Về phần tiền bơm cát theo như ông Đ xác định do một mình anh H trả, bà S không trả nên người làm chứng bên anh B không đủ tin cậy. Đối với hàng rào bên anh B xây dựng thì anh H tại phiên tòa xác định có tranh chấp, tuy bà S không nhớ rõ thời điểm tranh chấp xảy ra vào năm nào nhưng có thể khẳng định trước đó có xảy ra tranh chấp, mặt khác có một số người giáp ranh cũng xác định khi anh B xây hàng rào có xảy ra tranh chấp. Do đó, việc ông B xây dựng hàng rào lấn chiếm đất của bà S là có sơ sở cho nên bà Võ Thị S khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của bà S, buộc anh B tháo dỡ hàng rào và trả lại phần đất bao chiếm cho bà S là 119,2 m^2.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các đương sự cũng chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, thời hạn đưa ra xét xử chưa đảm bảo, còn để án quá hạn luật định nhưng do vụ án có tính chất phức tạp.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu tài liệu chứng cứ và xét về nguồn gốc đất tranh chấp Đại diện viện kiểm sát có ý kiến như sau: Nguồn gốc hai thửa đất 314 của bà Sánh và 315 của ông Dương Thành P đều được cha mẹ cho và đi kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng năm 1995. Quá trình sử dụng bà S cho rằng ông Pố và anh B lấn chiếm diện tích 119,2 m^2. Năm 2016 bà S chia đất cho các con có đo đạc và đợi kết quả cấp giấy thì bị bên anh B ngăn cản nên việc tách thửa cấp giấy cho các con bà S không thực hiện được nên bà làm đơn khởi kiện đối với anh B yêu cầu trả lại diện tích đất nêu trên. Qua nghiên cứu hồ sơ và hỏi tại phiên tòa thì thấy rằng khi đo đạc hai thửa đất đều bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại biên bản lấy lời khai bà S xác định lúc chia đất cho các con bà thì lấy ranh từ mí giáp hàng rào của anh B đo qua nên có cơ sở khẳng định bà S đã xác định phần đất sử dụng của mình. Do đó, bà S khởi kiện cho rằng anh B bao chiếm đất là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 166, Điều 170 của Luật đất đai năm 2013 là giữ nguyên hiện trạng đất mà hai bên đang sử dụng. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về đất đai theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung:

{2.1} Đối tượng tranh chấp theo đo đạc thực tế 119,2 m^2 hiện nằm trong thửa 315 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện G, tỉnh K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Dương Sơn B đứng tên, ngày 25/11/2009 với diện tích 1.633 m^2 nhưng theo đo đạc thực tế có diện tích 1.413,4 m^2 (chưa tính phần tranh chấp).

{2.2} Xét về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Dương Văn D, bà Lê Thi T khai phá và sử dụng từ trước năm 1980, sau đó chia lại cho các con sử dụng gồm chồng bà Võ Thị S là ông Dương Văn Đ (chết) và ông Dương Thành P. Sau đó, bà S và ông P đi kê khai đăng ký và được cấp quyền sử dụng vào năm 1995, bà Võ Thị S đứng tên quyền sử dụng thửa 314, diện tích đất 6.030 m^2, ông Dương Thành P đứng tên quyền sử dụng thửa 315, diện tích 1.633 m^2, đất đều tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện G, tỉnh K. Quá trình sử dụng hai bên cho rằng có ranh giới rõ ràng, phía đầu giáp lộ đan có một con mương ranh chạy dài ra phía sau hậu. Theo như bà S xác định con mương làm ranh thuộc hoàn toàn sở hữu của gia đình bà, cho đến khi nhà nước nạo vét kênh đã hất bùn vào lấp con mương, bà không nhớ rõ năm nào bên Dương Sơn B làm hàng rào đã bao chiếm hết phần con mương này của bà, bà yêu cầu dịch chuyển hàng rào cho đúng với ranh giới nhưng phía anh B không chịu mà vẫn tiếp tục làm. Năm 2007 bà làm đơn yêu cầu chính quyền phương giải quyết nhưng không được giải quyết tại địa phương. Nay phần đất của bà thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà yêu cầu anh B phải tháo dỡ bờ rào dài 45,6 m, chiều rộng lộ nông thôn 1,55 m, chấm dứt hành vi căn cản bao chiếm mương nuôi cá dài 14 m, rộng 2,46 m, cộng chung mương nuôi cá và bờ rào dài 59,6 m. Tổng diện tích 119,2 m^2 để bà sử dụng.

Trái với lời trình bày của bà S thì anh B cho rằng, anh không lấn chiếm đất của bà S sau khi anh được cha mẹ tặng cho thửa đất số 315 vào năm 2009, anh xây dựng hàng rào, gia đình bà S có ra ngăn cản cho rằng anh lấn đất nhưng anh cho rằng mình xây dựng trong phần đất đã được cấp quyền sử dụng, khi anh làm giấy tờ để hợp thức hóa quyền sở hữu nhà, bà S ký tên giáp ranh không có tranh chấp gì. Như vậy, giữa hai bên vẫn sử dụng diện tích ổn định kể từ ngày ông Dương Văn D, bà Lê Thị T chia đất, đồng thời không có việc lấn chiếm. Hiện nay phần đất của anh cũng thiếu so với giấy chứng nhận được cấp trước đây. Anh không đồng ý theo yêu cầu của bà S mà yêu cầu Tòa án xem xét giữ nguyên hiện trạng hai bên sử dụng

Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thấy rằng: Việc hai bên tranh chấp đất với nhau đều có nguồn gốc của ông D và bà T chia cho các con để sử dụng. Do có mối quan hệ ruột thịt với nhau và khi có tranh chấp xảy ra không yêu cầu giải quyết cho rõ ràng, triệt để. Theo như bà S xác định diện tích đất tranh chấp 119,2 m^2 nằm trong thửa đất số 314 của bà nhưng không được anh Dương Sơn B thừa nhận. Tại thời điểm năm 2007 anh B làm hàng rào gia đình bà có ngăn cản, gửi đơn đến chính quyền địa phương yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, trong biên bản xác minh vào ngày 30/10/2020 của Tòa án thì trưởng ấp A xác định: Vào năm 2007 chính quyền địa phương không nhận được đơn yêu cầu giải quyết của gia đình bà S mà tại thời điểm năm 2007 khi gia đình anh B làm bờ rào hai bên không có tranh chấp gì, anh B vẫn làm bờ rào bình thường. Con của bà S tên D có mời chính quyền địa phương xuống chứng kiến việc xây dựng. Sự việc xảy ra tranh chấp vào năm 2010, trong tờ xác nhận bà S cung cấp cho Tòa án là xác nhận sau khi hai bên xảy ra tranh chấp. Thời điểm năm 2009 khi ông Dương

Thành P làm thủ tục tặng thửa đất 315 cho anh Dương Sơn B, cán bộ địa chính đo đạc bên bà S chỉ ranh giới và ký giáp ranh. Ngoài ra, theo chứng cứ bà Võ Thị S cung cấp cho Tòa án và biên bản lấy lời khai của S vào ngày 05/10/2020 thì vào năm 2016 bà Võ Thị S làm thủ tục tách giấy chia đất cho các con bà, chỉ dẫn địa chính đo đạc là lấy ranh từ phía hàng rào của anh Dương Sơn B làm ranh giới. Như vậy, các bên đều xác định diện tích của mình sử dụng và không có tranh chấp gì.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/12/2019 các bên đều thống nhất kết quả đo đạc; Diện tích thửa đất 314 của bà Sánh đo thực tế 5.647,1 m^2 (giấy chứng nhận 6.030 m^2); diện tích thửa đất 315 của anh Bá đo thực tế 1.413,4 m^2 (giấy chứng nhận 1.633 m^2) phần tranh chấp 119,2 m^2.

Trong công văn 467/UBND – TNMT của Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng ngày 09/10/2018 xác định việc cấp quyền sử dụng đất của hai thửa đất trên cấp theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định và đúng đối tượng sử dụng nhưng việc chênh lệch về diện tích cấp tại thời điểm năm 1995 so với thời điểm hiện tại là do đo đạc thực tế.

Từ những phân tích trên cho thấy diện tích tích hai bên sử dụng đều thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp, khi được cha mẹ chia đất cho sử dụng các bên không đo đạc thực tế, đồng thời hai bên tự thống nhất ranh giới và sử dụng cho đến khi tranh chấp xảy ra mới đo đạc thực tế.

Xét lời đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần thiết phải giữ nguyên hiện trạng diện tích đất mà các bên đang sử dụng theo kết quả đo đạc tại biên bản thẩm định ngày 12/12/2019.

Đối với diện tích 14,8 m^2 có hình tam giác nằm tiếp giáp với thửa 209 của bà Võ Thị S và thửa 315 của anh B, giáp đất bà Dương Thị T, các bên đều xác định không có tranh chấp, anh Dương Sơn B có quyền sử dụng và tự định đoạt.

[3] Về chi phí đo vẽ, thẩm định giá là 4.213.000 đồng, bà S đã nộp 1.021.000 đồng theo hóa đơn số 4825, ngày 01/3/2018, hóa đơn 0367 với số tiền 2.530.000 đồng, ngày 23/7/2020; anh Dương Sơn B đã nộp 662.000 đồng (anh Dương Hoàng H nộp thay) theo hóa đơn 521 ngày 19/9/2019. Bà S và anh B đã nộp xong.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 01 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Yêu cầu của bà Võ Thị S không được chấp nhận nhưng bà thuộc diện người cao tuổi nên miễn toàn bộ tiền án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng cho bà S theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 166, Điều 170 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1

Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 01 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị S đối với anh Dương Sơn B

2. Giữ nguyên hiện trạng thửa đất 314 do bà Võ Thị S đứng tên quyền sử dụng, có diện tích theo đo đạc thực tế 5.647,1 m^2, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Kiên K. Đất có vị trí theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/12/2019 cụ thể như sau:

- Cạnh 5,6 giáp với đất anh Dương Sơn B có số đo 59,91 m.
- Cạnh 6,7 giáp với đất anh Dương Sơn B có số đo 2,45 m.
- Cạnh 7,8 giáp đất anh Dương Sơn B có số đo 74,50 m
- Cạnh 8,9 giáp với thửa 209 của bà Võ Thị S có số đo 48 m
- Cạnh 9,10 giáp thửa 313 của bà Võ Thị S có số đo 139 m
- Cạnh 10,5 giáp kênh Cai Trương có số đo 36 m

***** Giữ nguyên hiện trạng thửa đất 315 do anh Dương Sơn B đứng tên quyền sử dụng, có diện tích theo đo đạc thực tế 1.413,4 m^2 + 119,2 m^2 (phần tranh chấp) + 14,8 m^2 = 1.547,4 m^2, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện G, tỉnh K. Đất có vị trí theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/12/2019 cụ thể như sau:

- Cạnh 1,2,3 giáp bà Dương Thị T có số đo 138,96 m
- Cạnh 3,4,5 giáp kênh Cai Trương có số đo 16.3 m
- Cạnh 5,6 giáp bà Võ Thị S có số đo 59,91 m
- Cạnh 6,7 giáp bà Võ Thị S có số đo 2,45 m
- Cạnh 7,8 giáp bà Võ Thị S có số đo 74,50m
- Cạnh 8,1 giáp thửa 209 của bà Võ Thị S có số đo 8 m

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với diện tích nêu trên để sử dụng.

3. Về chi phí đo vẽ, thẩm định giá là 4.213.000 đồng, bà S đã nộp 1.021.000 đồng theo hóa đơn số 4825, ngày 01/3/2018, hóa đơn 0367 với số tiền 2.530.000 đồng, ngày 23/7/2020; anh Dương Sơn B đã nộp 662.000 đồng (anh Dương Hoàng H nộp thay) theo hóa đơn 521 ngày 19/9/2019. Bà S và anh B đã nộp xong.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 01 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Yêu cầu của bà Võ Thị S không được chấp nhận nhưng bà thuộc diện người cao tuổi nên miễn toàn bộ tiền án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng cho bà S đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 8122 ngày 27/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 12/01/2021.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành dân sự thì người được thi hánh án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận
- *TAND tỉnh*
- *VKSND huyện*
- *Thi hành án huyện*
- *UBND xã, thị*
- *Các đương sự*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên